

**KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ
CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**
Tên dịch vụ: Dịch vụ truy nhập Internet cáp quang
Năm 2023

1. Đơn vị đầu mối quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông:

- Tên đơn vị : Trung tâm Quản lý và Điều hành mạng
- Địa chỉ : 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Điện thoại : (028) 6250 8610

2. Đơn vị lập bản kết quả tự kiểm tra định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông:

- Tên đơn vị : Trung tâm Quản lý và Điều hành mạng
- Địa chỉ : 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Điện thoại : (028) 6250 8610

3. Kết quả tự kiểm tra:

3.1. Việc tuân thủ “Quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông”:

3.1.1. Công bố chất lượng dịch vụ:

- Gửi hồ sơ công bố chất lượng đến Cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng dịch vụ viễn thông:

☒ Đã gửi, ngày gửi: 31/07/2023

- Công bố “Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông” trên website: www.dcnnet.vn.

☒ Đã công bố.

- Niêm yết “Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông” tại các điểm giao dịch:

+ Tổng số địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được kiểm tra: 04

+ Tổng số điểm giao dịch trên các địa bàn được kiểm tra: 16

☒ Đã niêm yết tại tất cả các điểm giao dịch trên các địa bàn được kiểm tra.

- Có sự thay đổi về tiêu chuẩn áp dụng hoặc có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung công bố so với lần công bố trước.

☒ Không.

3.1.2. Báo cáo chất lượng dịch vụ:

- Báo cáo định kỳ:

☒ Đã báo cáo số 032023/BCCL-DCNET. Ngày báo cáo: 25/11/2023

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước:

☒ Không có yêu cầu báo cáo đột xuất.

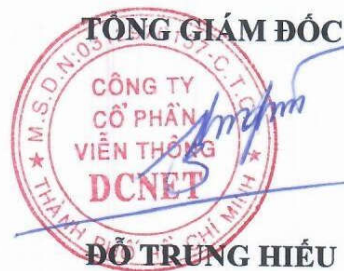
- Báo cáo khi có sự cố:

☒ Không có sự cố.

3.2. Đo kiểm thực tế chất lượng dịch vụ:

- Số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ 04 tỉnh, thành phố.

- Số địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đo kiểm: 04 gồm các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương có tên sau đây: Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Số địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có mức chất lượng dịch vụ phù hợp mức chất lượng đã công bố: 04 gồm các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương có tên sau đây: Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Số địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có mức chất lượng dịch vụ không phù hợp mức chất lượng đã công bố: 0.
4. Số bản chi tiết chất lượng tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kèm theo kết quả tự kiểm tra định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông: 04 bản



KẾT QUẢ TỰ ĐO KIỂM CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BẢNG RỘNG CÓ ĐỊNH MẬT ĐÁT SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ FTTH/xPON
Năm 2023

Tại địa bàn tỉnh, thành phố: Bình Dương
(Kèm theo bản Kết quả tự kiểm tra, đo kiểm, đánh giá định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông số 042023/KQKT-DCNET ngày 25 tháng 11 năm 2023 của “ Công ty Cổ phần Viễn thông DCNET”)

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
1.	Thời gian trễ trung bình	≤ 50ms	≤ 50ms	1000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	15.91ms	Phù hợp
2.	Tốc độ tải dữ liệu trung bình + Tốc độ tải xuống trung bình P _d							
	DCNET-HOME1	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-HOME2	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-HOME3	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-HOME4	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.97	Phù hợp
	DCNET-HOME SLIVER	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.97	Phù hợp
	DCNET- GOLD	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET- VIP	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-COMBO1	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-COMBO2	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-COMBO3	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-COMBO4	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-COMBO SLIVER	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-COMBO GOLD	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-COMBO VIP	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET120	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET120+	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET150	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-NET150N	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-NET150+	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
	DCNET-NET200	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.96	Phù hợp
	DCNET-NET200+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET300	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET300+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET500	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET500+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	+ Tốc độ tải lên trung bình Pu							
	DCNET-HOME1	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-HOME2	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-HOME3	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-HOME4	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.96	Phù hợp
	DCNET-HOME SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET- GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.96	Phù hợp
	DCNET- VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET-COMBO SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET-COMBO GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-COMBO VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-NET120	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET120+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-NET150	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-NET150N	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET150+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-NET200	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET200+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET300	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.91	Phù hợp
	DCNET-NET300+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.91	Phù hợp
	DCNET-NET500	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET500+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
3.	Dịch vụ trợ giúp khách hàng			250 cuộc	250 cuộc			

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
	- Thời gian cung cấp dịch vụ trợ giúp khách hàng bằng nhân công qua điện thoại - Tỷ lệ (%) cuộc gọi tới dịch vụ trợ giúp khách hàng chiếm mạch thành công, gửi yêu cầu kết nối đến điện thoại viên và nhận được tín hiệu trả lời của điện thoại viên trong vòng 60 giây	24 giờ trong ngày ≥ 80%	24 giờ trong ngày ≥ 80%			Kiểm tra thực tế Gọi, mô phỏng	24/ngày 99.89%	Phù hợp Phù hợp


TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐO TRUNG HIẾU

DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BẢNG RỘNG CÓ ĐỊNH MẬT ĐẤT SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ FTTH/xPON

Năm 2023

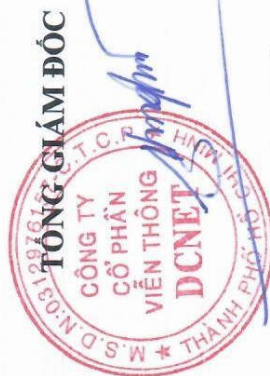
Tại địa bàn tỉnh, thành phố: Đồng Nai

(Kèm theo bản Kết quả tự kiểm tra, đo kiểm, đánh giá định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông 04/2023/KQKT-DCNET ngày 25 tháng 11 năm 2023 của “ Công ty Cổ phần Viễn thông DCNET”)

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
1.	Thời gian trễ trung bình	≤ 50ms	≤ 50ms	1000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	14.98ms	Phù hợp
2.	Tốc độ tải dữ liệu trung bình + Tốc độ tải xuống trung bình P_d							
	DCNET-HOME1	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-HOME2	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-HOME3	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-HOME4	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-HOME SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET- GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET- VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.96	Phù hợp
	DCNET-COMBO SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-COMBO GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-COMBO VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET120	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET120+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-NET150	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-NET150N	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET-NET150+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET200	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET-NET200+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-NET300	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
	DCNET-NET300+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET500	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET500+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	+ Tốc độ tải lên trung bình Pu							
	DCNET-HOME1	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-HOME2	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.97	Phù hợp
	DCNET-HOME3	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-HOME4	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-HOME SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET- GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET- VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-COMBO SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-COMBO GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-COMBO VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET120	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET120+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET150	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET150N	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-NET150+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-NET200	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-NET200+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-NET300	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET300+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET500	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET-NET500+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.91	Phù hợp
3.	Dịch vụ trợ giúp khách hàng - Thời gian cung cấp dịch vụ trợ giúp khách hàng bằng nhân công qua điện thoại	24 giờ trong ngày	24 giờ trong ngày	250 cuộc	250 cuộc	Kiểm tra thực tế	24/ngày	Phù hợp

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
	- Tỷ lệ (%) cuộc gọi tới dịch vụ trợ giúp khách hàng chiếm mạch thành công, gửi yêu cầu kết nối đến điện thoại viên và nhận được tín hiệu trả lời của điện thoại viên trong vòng 60 giây	≥ 80%	≥ 80%			Gọi, mô phỏng	98,93%	Phù hợp



ĐO TRUNG HIẾU

KẾT QUẢ TỰ ĐO KIỂM CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BẰNG RỘNG CÓ ĐỊNH MẶT ĐẤT SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ FTTH/xPON
Năm 2023

Tại địa bàn tỉnh, thành phố: Hà Nội
 (Kèm theo bản Kết quả tự kiểm tra, đo kiểm, đánh giá định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông
 042023/KQKT-DCNET ngày 25 tháng 11 năm 2023 của “ Công ty Cổ phần Viễn thông DCNET”)

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
1.	Thời gian trễ trung bình	≤ 50ms	≤ 50ms	1000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	14.85 ms	Phù hợp
2.	Tốc độ tải dữ liệu trung bình + Tốc độ tải xuống trung bình P_d							
	DCNET-HOME1	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-HOME2	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-HOME3	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-HOME4	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-HOME SLIVER	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET- GOLD	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET- VIP	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-COMBO SLIVER	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-COMBO GOLD	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-COMBO VIP	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET-NET120	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-NET120+	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-NET150	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-NET150N	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET150+	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET200	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.94	Phù hợp
	DCNET-NET200+	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-NET300	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET300+	≥ 0,8V _d	≥ 0,8V _d	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
	DCNET-NET500	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-NET500+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.97	Phù hợp
	+ Tốc độ tải lên trung bình Pu							
	DCNET-HOME1	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-HOME2	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-HOME3	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-HOME4	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-HOME SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET- GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET- VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-COMBO SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-COMBO GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-COMBO VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET120	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET120+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-NET150	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-NET150N	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET150+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET200	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET200+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-NET300	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-NET300+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET500	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET500+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
3.	Dịch vụ trợ giúp khách hàng - Thời gian cung cấp dịch vụ trợ giúp khách hàng bằng nhân công qua điện thoại - Tỷ lệ (%) cuộc gọi tới dịch vụ trợ giúp khách hàng chiếm mạch thành	24 giờ trong ngày	24 giờ trong ngày	250 cuộc	250 cuộc	Kiểm tra thực tế	24/ngày	Phù hợp

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
	công, gửi yêu cầu kết nối đến điện thoại viên và nhận được tín hiệu trả lời của điện thoại viên trong vòng 60 giây	≥ 80%	≥ 80%			Gọi, mô phỏng	98.95%	Phù hợp


TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ TRUNG HIẾU

KẾT QUẢ TỰ ĐO KIỂM CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BẰNG RỘNG CÓ ĐỊNH MẶT ĐẤT SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ FTTH/xPON
Năm 2023

Tại địa bàn tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh

(Kèm theo bản Kết quả tự kiểm tra, đo kiểm, đánh giá định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông
04/2023/KQKT-DCNET ngày 25 tháng 11 năm 2023 của “ Công ty Cổ phần Viễn thông DCNET”)

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
1.	Thời gian trễ trung bình	$\leq 50\text{ms}$	$\leq 50\text{ms}$	1000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	13.98 ms	Phù hợp
2.	Tốc độ tải dữ liệu trung bình + Tốc độ tải xuống trung bình P_d							
	DCNET-HOME1	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-HOME2	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-HOME3	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-HOME4	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-HOME SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET- GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET- VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-COMBO SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-COMBO GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-COMBO VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET120	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-NET120+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-NET150	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET-NET150N	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET150+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET200	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.94	Phù hợp
	DCNET-NET200+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-NET300	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-NET300+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp

TT	Chi tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
	DCNET-NET500	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET500+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	+ Tốc độ tải lên trung bình Pu							
	DCNET-HOME1	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-HOME2	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.97	Phù hợp
	DCNET-HOME3	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-HOME4	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET-HOME SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET- GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET- VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.87	Phù hợp
	DCNET-COMBO SLIVER	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.90	Phù hợp
	DCNET-COMBO GOLD	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-COMBO VIP	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET-NET120	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET120+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET150	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.93	Phù hợp
	DCNET-NET150N	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.89	Phù hợp
	DCNET-NET150+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.95	Phù hợp
	DCNET-NET200	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-NET200+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
	DCNET-NET300	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.96	Phù hợp
	DCNET-NET300+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-NET500	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.92	Phù hợp
	DCNET-NET500+	$\geq 0,8V_d$	$\geq 0,8V_d$	1.000 mẫu	1.000 mẫu	Mô Phỏng	0.88	Phù hợp
3.	Dịch vụ trợ giúp khách hàng - Thời gian cung cấp dịch vụ trợ giúp khách hàng bằng nhân công qua điện thoại - Tỷ lệ (%) cuộc gọi tới dịch vụ trợ giúp khách hàng chiếm mạch thành	24 giờ trong ngày	24 giờ trong ngày	250 cuộc	250 cuộc	Kiểm tra thực tế	24/ngày	Phù hợp

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34:2022/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	Số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định tại QCVN 34:2022/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá
	công, gửi yêu cầu kết nối đến điện thoại viên và nhận được tín hiệu trả lời của điện thoại viên trong vòng 60 giây	≥ 80%	≥ 80%			Gọi, mô phỏng	99.86%	Phù hợp



ĐỖ TRUNG HIỆU